|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****QUẢNG NAM**ĐỀ CHÍNH THỨC*(Đề có 02 trang)* | **KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2018 – 2019Môn: VẬT LÍ - LỚP 11Thời gian: 45 phút** *(không tính thời gian giao đề)*MÃ ĐỀ:**202** |

**I. TRẮC NGHỆM ( 5 điểm)**

**Câu 1.** Theo thuyết êlectron thì một vật

 **A.** nhiễm điện dương là vật có số prôtôn nhiều hơn số êlectron.

 **B.** nhiễm điện dương là vật có số prôtôn ít hơn số êlectron.

 **C.** nhiễm điện âm là vật có số prôtôn nhiều hơn số êlectron.

 **D.** nhiễm điện âm là vật chỉ có điện tích âm.

 **Câu 2.** Điện trở của kim loại phụ thuộc vào nhiệt độ như thế nào?

 **A.** Không thay đổi theo nhiệt độ. **B.** Tăng khi nhiệt độ tăng.

 **C.** Tăng hay giảm do bản chất kim loại. **D.** Giảm khi nhiệt độ tăng .

 **Câu 3.** Dòng điện không đổi là dòng điện

 **A.** có chiều không thay đổi theo thời gian.

 **B.** chỉ có chiều không thay đổi theo thời gian.

 **C.** có cường độ không thay đổi theo thời gian.

 **D.** có chiều và cường độ không thay đổi theo thời gian.

 **Câu 4.** Khi mắc một bóng đèn vào hiệu điện thế không đổi 200 V thì cường độ dòng điện chạy qua là 0,25 A. Điện năng mà bóng đèn này tiêu thụ trong 6 h là

 **A.** 1800000 J. **B.** 300 J. **C.** 1080000 J. **D.** 18000J.

 **Câu 5.** Cường độ điện trường có đơn vị nào sau đây?

 **A.** V/m (Vôn/mét). **B.** V (Vôn). **C.** V.m (Vôn.mét). **D.** A (Ampe).

 **Câu 6.** Đại lượng nào dưới đây **không** liên quan đến công thức tính công suất tỏa nhiệt ở một vật dẫn ?

 **A.** Thời gian dòng điện đi qua vật dẫn. **B.** Cường độ dòng điện qua vật dẫn.

 **C.** Hiệu điện thế ở hai đầu vật dẫn. **D.** Điện trở của vật dẫn.

 **Câu 7.** Dòng điện trong môi trường nào sau đây là dòng chuyển dời có hướng của các electron trong điện trường?

 **A.** **C**hất khí. **B.** Chất bán dẫn. **C.** Kim loại. **D.** Chất điện phân.

 **Câu 8.** Cho hai điện tích điểm q1 = 2.10-8 C và q2 đặt tại hai điểm A và B cách nhau 12 cm trong không khí. Lực tương tác tĩnh điện giữa hai điện tích có độ lớn 5.10-4 N. Độ lớn điện tích q2 là

 **A.** 4.10-8 C. **B.** 4.10-6C. **C.** 2,5.10-4 C. **D.** 2,5.10-5C.

 **Câu 9.** Điện dung của một tụ điện là đại lượng

 **A.** đặc trưng cho độ biến thiên cường độ dòng điện.

 **B.** tỉ lệ thuận với hiệu điện thế giữa hai bản tụ.

 **C.** tỉ lệ thuận với điện tích của tụ.

 **D.** đặc trưng cho khả năng tích điện của tụ.

 **Câu 10.** Trong một mạch điện kín nếu mạch ngoài chỉ gồm điện trở RN, hiệu điện thế hai đầu mạch ngoài đo được là UN thì hiệu suất của nguồn điện có suất điện động E được tính bởi biểu thức

 **A.** . **B.** H = U + E. **C.** . **D.** H = U. E.

 **Câu 11.** Hiện tượng dương cực tan **không** xảy ra khi điện phân dung dịch

 **A.** bạc nitrat với cực dương làm bằng than chì.

 **B.** đồng sunfat với cực dương làm bằng đồng.

 **C.** niken sunfat với cực dương làm bằng niken.

 **D.** bạc nitrat với cực dương làm bằng bạc.

 **Câu 12.** Một sợi dây sắt có điện trở 40 Ω ở 200C. Biết hệ số nhiệt điện trở của sắt là 6,5.10-3 K-1. Điện trở của sợi dây đó ở 700C là

 **A.** 5,2 Ω. **B.** 53 Ω. **C.** 18 Ω. **D.** 8 Ω.

 **Câu 13.** Gọi VM, VNlần lượt là điện thế tại M và N. Biết hiệu điện thế UMN = - 5 V. Kết luận nào sau đây là chắc chắn **đúng**?

 **A.** VM  = -5 V. **B.** VM - VN = 5 V. **C.** VN - VM = 5 V. **D.** VN = -5 V.

 **Câu 14.** Lực tương tác giữa hai điện tích q1, q2 đặt cách nhau một khoảng r là lực hút khi

 **A.**  q1.q2 < 0. **B.** q1.q2 > 0. **C.** q1< 0 và q2 < 0. **D.** q1> 0 và q2 > 0.

 **Câu 15.** Suất điện động của nguồn điện là đại lượng đặc trưng cho

 **A.** khả năng thực hiện công của nguồn điện.

 **B.** khả năng tích điện cho hai cực của nguồn điện.

 **C.** khả năng dự trữ điện tích của nguồn điện.

 **D.** khả năng tác dụng lực của nguồn điện.

**II. TỰ LUẬN** **( 5 điểm)**

**Bài 1**( **2 điểm**). Cho 3 điểm A,B,C cùng nằm trong mặt phẳng đặt trong điện trường đều  có chiều từ A đến B như hình **(H1).** Biết AB = 10 cm, BC = 40 cm, E = 5000 V/m, hằng số điện môi ε =1.

a. Khi điện tích q = 4.10-8 C dịch chuyển từ A đến B và từ B đến C thì công của lực điện trường thực hiện ở từng đoạn là bao nhiêu?

b. Nếu cố định điện tích q = 4.10-8 C tại A. Xác định cường độ điện trường tổng hợp tại B.

**Bài 2**( **3 điểm**)**.** Cho mạch điện như hình **(H2)**. Hai nguồn có suất điện động E 1 = 10 V,

E 2 = 6 V, điện trở trong r1 = r2 =1 Ω. Mạch ngoài có điện trở R1 = 8 Ω, bình điện phân chứa dung dịch ZnSO4 với cực dương bằng kẽm có điện trở R2 = 6 Ω và R3 . Cho F = 96500 C/mol, khối lượng mol của kẽm A = 65 g/mol, hóa trị n = 2. Bỏ qua điện trở của khóa K và dây nối.

a. **Khi K mở:**

+ Tính điện trở mạch ngoài và cường độ dòng điện mạch chính.

+ Tính khối lượng kẽm thoát ra ở điện cực trong thời gian 16 phút 5 giây.

b. **Khi K đóng:** Cường độ dòng điện chạy qua R3 là 0,4A. Tính điện trở R3.

R1

R2

R3

 E1,r1

E2,r2

**H2**

K

C

B

A

600



**H1**

E,r

E,r

E,r

E,r

E,r

E,r

----------------------------------- HEÁT -----------------------------

**ĐÁP ÁN TRẮC NGHIỆM KIỂM TRA HKI VẬT LÝ 11 NĂM HỌC 2018-2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mã đề** | **202** | **Câu 8** | **A** |
| **Câu 1** | **A** | **Câu 9** | **D** |
| **Câu 2** | **B** | **Câu 10** | **A** |
| **Câu 3** | **D** | **Câu 11** | **A** |
| **Câu 4** | **C** | **Câu 12** | **B** |
| **Câu 5** | **A** | **Câu 13** | **C** |
| **Câu 6** | **A** | **Câu 14** | **A** |
| **Câu 7** | **C** | **Câu 15** | **A** |

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HKI - VẬT LÝ 11 – Năm học 2018-2019**

**ĐÁP ÁN TỰ LUẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MĐ202** | **MĐ205** | **MĐ208** | **MĐ211** | **MĐ214** | **MĐ217** | **MĐ220** | **MĐ223** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu/điểm** | **Nội dung** | **Điểm chi tiết** |
| Câu 1a/ 1đ | + AB: AAB = qEdAB  | 0,25 |
|  AAB = 2.10­-5J | 0,25 |
|  |  |
| + BC: ABC = qEdBC  | 0,25 |
|  ABC = 4.10­-5J | 0,25 |
|  |  |
| Câu 1b/ 1đ |  Cường độ điện trường do q gây ra tại B E1 = k= ..............= 36000(V/m) | 0,25 |
|  NLCCĐT:  | 0,25 |
|  Nêu được điểm đặt, hướng  hoặc Biểu diễn  trên hình vẽ . | 0,25 |
| EB = E1 + E = 41000 (V/m) | 0,25 |
| Câu 2/3đa/ 0.5 đ |  RN = R1+ R2 = 8 + 6 = 14 Ω | 0,5 |
| a/1,0 đ | Eb = E1+E2 = 16V | 0,250,25 |
| rb = r1+ r2 = 2Ω |  |
|   | 0,250,25 |
| b/0,75đ | Ib= I = 1A | 0,25 |
|  | 0,5 |
| C/0,75đ  |  |  |
| I12 = 1,35 – 0,4 = 0,95A | 0,25 |
| U3 = U12 = I12. R12 = 0,95. 14 = 13,3 V | 0,25 |
| R3 = 33,25 Ω. | 0,25 |